**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

 **Học phần:** PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**Mã số: BAN331**

**Số tín chỉ: 03**

**Khoa : Quản trị kinh doanh**

**Bộ môn phụ trách : Phân tích kinh doanh**

**Thái Nguyên, 2021**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD**KHOA**: **QUẢN TRỊ KINH DOANH****Bộ môn phụ trách**: **Phân tích kinh doanh**  |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh**;  **Mã học phần**: **BAN331**

**2. Tên Tiếng Anh: Business analysis**;

**3. Số tín chỉ:** 3a **Tín chỉ (2/1/6)** (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/thảo luận, 6 tín chỉ tự học)

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết:....................................................................................

Môn học trước : ……………..……………………………………………

 Khác: ……………………………………………………………………..

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS Phạm Thị Thanh Mai | 0912804979 | maiptt.tueba@gmail.com |  |
| 2 | GVC.ThS Đồng Văn Đạt | 0912580135 | dongvandat@gmail.com  |  |
| 3 | ThS Nguyễn Hải Khanh | 0962505677 | Haikhanh071084@gmail.com |  |
| 4 | ThS Chu Thị Kim Ngân | 0943693456 | Chuthikimngan2907@gmail.com  |  |
| 5 | ThS Trần Thị Kim Oanh | 0347397391 | kimoanh159qtkd@gmail.com |  |
| 6 | TS Nguyễn Thành Vũ | 0911568898 | Ntv.jlu@gmail.com |  |

**6. Mô tả học phần**

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc thuộc khối kiến thức ngành QTKD, là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành quản trị kinh doanh, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

**7. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu*****(Goals)*** | **Mô tả*****(Goal description)****Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra****CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | ***Mục tiêu kiến thức***: Phân loại và vận dụng được hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp, quy trình để phân tích quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức của học phần phân tích hoạt động kinh doanh để chỉ ra mối quan hệ nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. | 1.1 CTĐT Quản trị Marketing và Thương mại Quốc tế 1.2. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Kinh doanh quốc tế;1.3 CTĐT Kinh doanh quốc tế;1.4. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản trị marketing;1.5. CTĐT Quản trị KD; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị marketing. | **2** |
| **G2** | ***Mục tiêu kỹ năng****:* Kỹ năng cơ bản như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo, tư duy phản biện. Trang bị cho sinh viên của các chương trình đào tạo có kỹ năng cơ bản phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh. khả năng tự học, và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình kinh doanh hiện đại hiện nay. | 2.1 CTĐT Kinh doanh Quốc tế.2.2. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị Marketing; CTĐT thương mại quốc tế;2.3. Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị Marketing; CTĐT thương mại quốc tế; CTĐT Kinh doanh Quốc tế2.4. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản trị Marketing; CTĐT thương mại quốc tế; CTĐT Kinh doanh Quốc tế2.5 CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Thương mại quốc tế2.6. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU. | **3** |
| **G3** | ***Mục tiêu năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm***: Khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tích cực tham gia ý kiến trong các tiết học lý thuyết, thảo luận, chủ động; tự phát hiện vấn đề trong quá trình học tập; lên được kế hoạch hoàn thành bài chuẩn bị, bài tập đúng tiến độ, độc lập, tự giác làm bài tập; có khả năng giải thích, chứng minh quan điểm, ý kiến cá nhân trong việc tham gia, tương tác với các sinh viên khác trong thảo luận nhóm. | 3.1 CTĐT Quản trị KD; CTĐT Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Thương mại quốc tế; CTĐT Kinh doanh quốc tế.3.2 CTĐT Quản trị KD; CTĐT Logistics và QLCCU. CTĐT Thương mại quốc tế; CTĐT Kinh doanh quốc tế3.3 CTĐT Quản trị KD; CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Thương mại quốc tế; CTĐT Kinh doanh quốc tế.3.4 CTĐT Quản trị KD; CTĐT Logistics và QLCCU. | **2** |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần (chương 1-6)**

**CĐR học phần gắn với CĐR CTĐT môn học thuộc hiến thức ngành hay kiến thức chuyên ngành (1.4; 1.5)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả***Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | **G1.1** | Giải thích các khái niệm về phân tích, chỉ tiêu phân tích và nhân tố ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; vận dụng các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích HĐKD đối với các chỉ tiêu phân tích. | 1.1 CTĐT Thương mại quốc tế.1.4. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU.1.2 CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Kinh doanh quốc tế1.5. CTĐT Quản trị marketing. | **2** |
| **G1.2** | Phát hiện các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất; So sánh các bộ phận cấu thành chỉ tiêu tổng hợp phản ánh kết quả sản xuất; vận dụng chỉ tiêu phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng, ảnh hưởng của nhân tố cơ cấu sản phẩm tới kết quả sản xuất, ảnh hưởng của các nhân tố tới chất lượng sản phẩm. | 1.1 CTĐT Quản trị marketing. CTĐT Thương mại quốc tế.1.2. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế.1.3. CTĐT Kinh doanh quốc tế. 1.4. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản trị marketing.1.5. CTĐT Quản trị marketing. | **3** |
| **G1.3** | Vận dụng các kiến thức của ngành và chuyên ngành. Phân loại các yếu tố sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất trong hoạt động kinh doanh, phối hợp có hiệu quả các nguồn lực của các cơ sở kinh doanh. | 1.1 CTĐT Quản trị marketing.1.2 CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị marketing1.3. CTĐT Kinh doanh quốc tế. 1.4. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU. | **2; 3** |
|  | **G1.4** | Phân loại các chi phí sản xuất, chỉ ra nguyên nhân ảnh hưởng tới biến động của giá thành; vận dụng phương pháp phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng tới biến động giá thành, tới chi phí trên 1000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa. | 1.1. CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Thương mại quốc tế.1.2 CTĐT Quản lý kinh tế.1.3. CTĐT Kinh doanh quốc tế.1.4. CTĐT CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU. CTĐT Quản trị marketing.1.5. CTĐT Quản trị marketing. | **2; 3** |
|  | **G1.5** | Giải thích nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả tiêu thụ, lợi nhuận của doanh nghiệp, vận dụng phương pháp phù hợp phân tích tình hình biến động của lợi nhuận doanh nghiệp | 1.1 CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Thương mại quốc tế.1.2 CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Thương mại quốc tế.1.3. CTĐT Kinh doanh quốc tế.1.4. CTĐT CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản trị marketing.1.5. CTĐT Quản trị marketing. | **2; 3** |
|  | **G1.6** | So sánh các nhóm chỉ tiêu tình hình tài chính của doanh nghiệp với các chỉ báo thường gặp, từ đó có thể chỉ ra các khả năng tích cực, những dấu hiệu cảnh báo tình hình tài chính của doanh nghiệp | 1.1.CTĐT Thương mại quốc tế; CTĐT Quản trị marketing.1.2 CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị marketing1.3. CTĐT Kinh doanh quốc tế.1.4. CTĐT CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU.1.5 CTĐT Quản lý kinh tế. | **2; 3** |
| **G2** | **G2.1** | Các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong kinh doanh như: Giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học và sáng tạo; Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học. | 2.2. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Thương mại quốc tế.2.3. CTĐT Logistics và QLCCU.2.4. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Kinh doanh quốc tế. | 2 |
| **G2.2** | Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng tạo lập quan hệ, giao tiếp. | 2.1 CTĐT Kinh doanh quốc tế.2.2 CTĐT Logistics và QLCCU; 2.3 CTĐT Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị marketing2.4 CTĐT Quản trị kinh doanh; CTĐT Kinh doanh quốc tế.2.5. CTĐT Thương mại quốc tế. | 2 |
| **G2.3** | Các kỹ năng hành chính văn phòng như: Soạn thảo các văn bản và hồ sơ giao dịch cơ bản trong kinh doanh; Kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng và phương tiện hỗ trợ trong các cơ sở kinh doanh. | 2.5. CTĐT Quản lý kinh tế.2.6. CTĐT Quản trị KD và QLCCU. | 2 |
| **G3** | **G3.1** | Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong hoạt động sản xuất kinh doanh | 3.1. CTĐT Quản trị KD; Logistics và QLCCU; CTĐT Quản lý kinh tế; CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Kinh doanh quốc tế; CTĐT Thương mại quốc tế.3.2. CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Kinh doanh quốc tế; CTĐT Thương mại quốc tế. | 2 |
| **G3.2** | Có khả năng lập kế hoạch, phân công và thực hiện công việc theo nhóm một cách hiệu quả trong các hoạt động sản xuất kinh doanh | 3.2. CTĐT Logistics và QLCCU.3.3. CTĐT Quản trị marketing; CTĐT Thương mại quốc tế; CTĐT Kinh doanh quốc tế.3.4. CTĐT Quản trị KD. | 2 |
| **G3.3** | Có khả năng thuyết trình, đưa ra các kết luận về vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh | 3.2. CTĐT Quản lý kinh tế.3.3. CTĐT Quản trị KD; CTĐT Logistics và QLCCU | 2 |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

 - Hoàn thành các bài tập được giao.

 - Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

- Hoàn thành các bài thực hành của học phần.

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

***9.3. Phần khác*** *(nếu có):*

**10. Tài liệu học tập**

***10.1 Sách, giáo trình chính***

1. Đồng Văn Đạt, Võ Thy Trang, *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2010.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Văn Công, *Giáo trình Phân tích Kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009.

2. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ , *Giáo trình Phân tích Tài chính Doanh nghiệp,* Nhà xuất bản Tài chính, 2009.

3. Nguyễn Thị Mỵ, Phan Đức Dũng , *Phân tích hoạt động kinh doanh – Lý thuyết, bài tập và bài giải,*  Nhà xuất bản thống kê, 2006.

4. Nguyễn Năng Phúc, *Phân tích kinh doanh – Lý thuyết và thực hành* (Tái bản lần thứ nhất *),* Nhà xuất bản Tài chính, 2009.

5. Vũ Công Ty, Bùi Văn Vần, *Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính, 2008.

6. Phạm Thị Gái, *Giáo trình Phân tích hoạt động Kinh doanh*, Nhà xuất bản Thống kê, 2004.

7.Erich A.Helfert, *Techniques of Financial Analysis: a modern approach* (ninth edition), Irwin, 1997.

8. Richard A. Brealey, Stewart C. Myers, Alan J. Marcus, *Fundamentals of Corporate financial* (second edition), The McGraw – Hill, 1999.

**11. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết**  | **Nội dung giảng dạy***(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Trình độ năng lực** *(TĐNL đạt được khi kết thúc chương)* | **Phương pháp dạy học** *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá***(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)* |
| 1, 2 | Giới thiệu chung về học phần |  | 2 | Thuyết giảng | - |
| **3 -9** | **Chương 1: Tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh** |  | 2, 3  |  |  |
| 3 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:**1.1.Đối tượng và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh 1.1.1. Khái niệm1.1.2.Đối tượng nghiên cứu học phần1.1.3.Ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh. | G1.1;G2.1;G3.1 | 222 | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, , câu hỏi gợi mở, thảo luận | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 1.2. Chỉ tiêu kinh tế và nhân tố kinh tế1.2.1. Chỉ tiêu kinh tế1.2.2. Nhân tố kinh tế | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở.  |
| 4-67-9 | 1.3. Một số phương pháp sử dụng trong phân tích HĐKD*1.3.1. Phương pháp so sánh* *1.3.2.Phương pháp loại trừ* *1.3.3.Phương pháp chỉ số**1.3.4. Phương pháp liên hệ cân đối**1.3.5. Phương pháp chi tiết* | G1.1 G2.1 G3.1G3.2G3.3 | 22222 | Thuyết giảng, thực hành phương pháp | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 1 được giao+Chuẩn bị các nội dung của chương 2+ Chuẩn bị bài thảo luận nhóm | G2.1G3.1G3.2G3.3 | 2222 | Bài tập ở nhà. | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| Bài tập nhóm: Xây dựng ma trận SWOT cho một DN cụ thể | G1.1;  G2.1; G2.3; G3.1; G3.2; G3.3 | 2 3 | Thảo luận | Thuyết trình nhóm  |
| **10-19** | **Chương 2: Phân tích kết quả sản xuất của doanh nghiệp** |  | 3 |  |  |
|  |
| 10-12 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:**2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích kết quả sản xuất*2.1.1. Ý nghĩa phân tích kết quả sản xuất của doanh nghiệp* *2.1.2. Nhiệm vụ phân tích kết quả sản xuất của doanh nghiệp.* | G1.2; G2.1;G3.1 | 2, 3 | Câu hỏi gợi mở. | Kiểm tra vấn đáp |
| 2.2. Phân tích môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh | G1.2; G2.1; G2.2; G2.3; G3.1; G3.2; G3.3 | 2, 3 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm. |
| 2.3. Phân tích khái quát kết quả sản xuất của doanh nghiệp | G1.2; G2.1;G2.2; G3.1G3.2; G3.3 | 2, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở.  |  |
| 2.4. Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong sản xuất của doanh nghiệp*2.4.1. Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng* | G1.2; G2.1;G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở.  | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 13 -15 | *2.4.2. Phân tích ảnh hưởng của kết cấu mặt hàng đến kết quả sản xuất* *2.4.3. Phân tích nhịp* *điệu sản xuất kinh doanh* *2.4.4. Phân tích tính chất đồng bộ của sản xuất*  | G1.2; G2.1;G2.2; G3.1G1.2; G2.1;G2.2; G3.1G1.2; G2.1;G2.2; G3.1 | 2, 32, 32, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở.Tự nghiên cứuTự nghiên cứu | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình-Trắc nghiệm |
| 2.5. Phân tích chất lượng sản phẩm*2.5.1. Phân tích thứ hạng chất lượng sản phẩm*  | G1.2; G2.1;G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 16-19 | *2.5.2. Phân tích tình hình sai hỏng sản phẩm trong sản xuất*  | G1.2; G2.1;G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thực hành   | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:***2.4.3. Phân tích nhịp* *điệu sản xuất kinh doanh* *2.4.4. Phân tích tính chất đồng bộ của sản xuất.*Nghiên cứu câu hỏi ôn tập, bài tập chương 2 được giao+Chuẩn bị các nội dung của chương 3 | G1.2; G2.1; G2.2;G3.1G1.2; G2.1; G2.2; G3.1 | 2,32,3 | Đọc lý thuyết, Bài tập ở nhà | Trắc nghiệm;  |
| **20-29** | **Chương 3: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất** |  |  |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |  |
| 20 - 21 | 3.1.Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | G1.3; G2.1;G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng; câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| 3.2. Phân tích tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp  | G1.3; G2.1;G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng; câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 2223- 25 | 3.3.Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ | G1.3; G2.1;G3.1 | 2 | Tự nghiên cứu | Trắc nghiệm |
| 3.4. Phân tích tình hình cung cấp, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh | G1.3; G2.1; G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng; câu hỏi gợi mở; vận dụng bài tập | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 26-29 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm | G1.3; G2.1; G2.2; G2.3; G3.1; G3.2; G3.3. | 2,3 | Cá nhân chữa, thảo luận nhóm | Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:****+** Đọc 3.3.Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ.+ Bài tập ở nhà+ Nghiên cứu câu hỏi chương 3+ Chuẩn bị nội dung chương 4. | G1.3; G2.1G3.1 | 2 | Đọc lý thuyếtBài tập ở nhà |  Trắc nghiệm,  |
| **30-39** | **Chương 4: Phân tích tình hình chi phí và giá thành** |  |  |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |  |
| 30 | 4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm  | G1.4; G2.1; G3.1 | 2, 3 | Tự nghiên cứu | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| 4.2.Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí và giá thành sản xuất  | G1.4; G2.1; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng; tự nghiên cứu | - Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| **31-** | **Bài kiểm tra lần 1** | G1.1; G1.2; G1.3;  | 2,3 |  | Trắc nghiệm |
| 32-34(3) | 4.3. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp*4.3.1. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của sản phẩm so sánh được**4.3.2. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu chi phí cho 1000đ sản lượng hàng hoá* | G1.4; G2.1; G3.1G1.4; G2.1; G3.1 | 2, 32, 3 | Thuyết giảng | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trìnhTrắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
| 4.4. Phân tích sự biến động giá thành theo khoản mục | G1.4; G2.1; G3.1 | 2, 3 | Tự nghiên cứu | Trắc nghiệm |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:****+ Đọc** 4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm.+ Làm bài tập chương 3+ Ôn tập chương 1, 2, 3 | G1.4; G2.1; G3.1 | 2, 32, 32, 3 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm. |
| **35 -****36** | **Kiểm tra giữa kỳ** | G1.1; G1.2; G1.3; G1.4 | 2,3 |  | Trắc nghiệm |
| 37-39 | Bài tập, thảo luận nhóm | G1.4; G2.1; G2.2; G2.3; G3.1; G3.2; G3.3 | 2,3 | Cá nhân chữa, thảo luận nhóm |  |
| **40-46** | **Chương 5: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận** |  | 2, 3 |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |  |
| 40 | 5.1. Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm5*.1.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích**5.1.2. Phân tích khái quát tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá* *5.1.3. Phân tích tình hình tiêu thụ những mặt hàng chủ yếu* *5.1.4. Phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng* đến tình hình tiêu thụ | G1.5; G2.1; G3.1G1.5; G2.1; G3.1G1.5; G2.1; G3.1G1.5; G2.1; G2.2; G3.1 | 2, 32, 32, 33 | Tự nghiên cứuTự nghiên cứuThuyết giảng, câu hỏi gợi mở | --Trắc nghiệmTrắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 41 -42 | 5.2. Phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp*5.2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích**5.2.2. Các bộ phận cấu thành lợi nhuận của doanh nghiệp**5.2.3. Phân tích chung về tình hình lợi nhuận**5.2.4. Phân tích tình hình lợi nhuận về tiêu thụ sản phẩm từ hoạt động SXKD* | G1.5; G2.1; G3.1G1.5; G2.1; G3.1;G1.5; G2.1; G3.1;G1.5; G2.1; G2.2; G3.1 | 22, 32, 32, 3 | Tự nghiên cứuThuyết giảng, câu hỏi gợi mở Tự nghiên cứuThuyết giảng, câu hỏi gợi mở  | -Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình.Trắc nghiệm.Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình |
| 43-45 | Bài tập, thảo luận nhóm | G1.5; G2.1; G2.2; G2.3; G3.1; G3.2; G3.3 | 2,3 | Thảo luận | Thuyết trình nhóm |
| **46** | **Bài kiểm tra lần 2** | G1.4; G1.5 | 2,3 |  | Trắc nghiệm |
|  |  |  |  |  |  |
| **47-54** | **Chương 6: Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp** |  |  |  |  |
|  | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** |  |  |  |  |
| 47 | 6.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích tình hình tài chính của DN  | G1.6; G2.1; G3.1. | 2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.2. Thông tin sử dụng trong phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp | G1.6; G2.1; G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.3. Giới thiệu các báo cáo tài chính | G1.6; G2.1; G2.2; G3.1 | 2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 48-49 | 6.4. Phương pháp so sánh sử dụng trong phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp | G1.6; G2.1; G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 50-52 | 6.5. Phân tích khái quát tình hình tài chính | G1.6; G2.1; G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.6. Phân tích các chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính  | G1.6; G2.1; G2.2; G3.1 | 2, 3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 6.7. Tình hình tài chính doanh nghiệp | G1.6; G2.1; G2.2; G3.1 | 2, 3 |  | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình. |
| 53-54 | Thảo luận chương 6, ôn tập tổng hợp | G1.6; G2.1; G2.2; G2.3; G3.1; G3.2; G3.3 | 2,3 | Thảo luận | Thuyết trình nhóm; báo cáo thảo luận; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu các báo cáo tài chính doanh nghiệp.+ Làm bài tập chương 6 | G1.6; G2.1; G3.1 | 23 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra viết, vấn đáp |

**12. Đánh giá kết quả học tập**

***12.1. Thang điểm: 10***

Điểm học phần: *(f) = 0,3 x ((a+b)/2) + 0,2 x (c+d) + 0,5 x e*

***12.2. Đánh giá quá trình:***

- Kiểm tra thường xuyên + chuyên cần: 30%

Điểm đánh giá bộ phận chấm theo thang điểm 10 với trọng số như sau:

* Thảo luận, bài tập, chuyên cần: *(a)*
* Kiểm tra: *(b =(b1 + b2 + b3 )/3)*

- Điểm giữa kỳ: 20%

* Bài tập lớn (điểm tối đa bằng 2, tính vào điểm giữa học phần): *(c)*
* Kiểm tra giữa học phần (điểm tối đa bằng 8): *(d)*

Lưu ý: Điểm giữa học phần được tính bằng điểm bài tập lớn cộng điểm kiểm tra giữa học phần (c + d), thang điểm 10.

 ***12.3. Thi kết thúc học phần: 50%***

- Điểm thi kết thúc học phần (e): 50%

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy

***12.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức kiểm tra** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR đánh giá** | **Trình****độ****năng****lực** | **Phương****pháp****đánh****giá** | **Tỷ lệ %** |
| Trắc nghiệm | Kiểm tra chương 1,2,3 | Tiết 31 | G1.1; G1.2; G1.3. | 2, 3 | Kiểm tra trắc nghiệm | 5 |
| Trắc nghiệm | Kiểm tra chương 4,5 | Tiết 46 | G1.4; G1.5; | 2, 3 | Kiểm tra trắc nghiệm | 15 |
| Thảo luận nhóm | Thảo luận chương 6 | Tiết 52 | G1.6; G2.1; G2.3; G3.1; G3.2; G3.3 | 2, 3 | Thuyết trình nhóm | 10 |
| Trắc nghiệm | Kiểm tra giữa kỹ | Tiết 35-36 | G1.1;G1.2; G1.3 | 2 | Kiểm tra trắc nghiệm | 20 |
| Trắc nghiệm | Thi cuối kỳ |  |  |  |  |  |
|  | - Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học. - Thời gian làm bài 50 phút *(Không được sử dụng tài liệu).* | Cuối học kỳ | G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G1.6. | 2, 3 | Kiểm tra trắc nghiệm | 50 |

***12.5. Bảng đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR****học phần** | **Hình thức kiểm tra** |
| **KT thường xuyên** | **Chuyên cần** | **Thảo luận nhóm** | **KT giữa kỳ** | **Thi kết thúc HP** |
| G1.1 | x | x | x | x | x |
| G1.2 | x | x  | x | x | x |
| G1.3 | x | x | x | x | x |
| G1.4 | x | x | x |  | x |
| G1.5 | x | x | x |  | x |
| G1.6 |  | x | x |  | x |
| G2.1 |  | x | x |  |  |
| G2.2 | x |  | x |  |  |
| G2.3 |  | x | x |  |  |
| G3.1 | x | x | x |  |  |
| G3.2 | x | x | x |  |  |
| G3.3 | x | x | x |  |  |

*\*Ghi chú: đối với mỗi nội dung đánh giá, cần lựa chọn một trong các hình thức, phương pháp đánh giá, theo gợi ý sau:*

- Hình thức đánh giá: tự luận; bài tập, thảo luận nhóm, bài tập lớn, tiểu luận,…

- Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết, KT trắc nghiệm, thuyết trình nhóm, bài tập nhỏ trên lớp, báo cáo tiểu luận,...

**13. Các yêu cầu đối với người học**

Đạo đức nghiên cứu khoa học: Các bài tập ở nhà và bài tập nhóm phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

**14. Ngày phê duyệt lần đầu**

**15. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  | **TS. Phạm Văn Hạnh** | **TS. Phạm Thị Thanh Mai** | **ThS. Chu Thị Kim Ngân** |

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: Ngày …. tháng … năm ... | **Người soạn****Đồng Văn Đạt**Trưởng Bộ môn:**Phạm Thị Thanh Mai** |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày … tháng … năm …: … | Người cập nhậtTrưởng Bộ môn:**Phạm Thị Thanh Mai** |